

A/ LÝ THUYẾT PHẦN ĐỌC - HIỂU

1. Các phương thức biểu đạt

trong một văn bản thường xuất hiện nhiều phương thức như tự sự và miêu tả, thuyết minh và biểu cảm... song sẽ có một phương thức nổi bật.

TT	Phương thức	Đặc điểm nhận diện	Thể loại
1	Tự sự	Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết quả. (diễn biến sự việc)	- Bản tin báo chí - Bản tường thuật, tường trình - Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
2	Miêu tả	Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng.	- Văn tả cảnh, tả người, vật... - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
3	Biểu cảm	Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người trước những vấn đề tự nhiên, xã hội, sự vật...	- Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút.
4	Thuyết minh	Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để người đọc có tri thức và có thái độ đúng đắn với chúng.	- Thuyết minh sản phẩm - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
5	Nghị luận	Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận, trình bày tư tưởng, chủ trương quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục.	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. - Tranh luận về một vấn đề trính trị, xã hội, văn hóa.
6	Hành chính – công vụ	- Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lí các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí.	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

2. Nhận diện các phong cách ngôn ngữ

TT	Phong cách ngôn ngữ	Đặc điểm nhận diện
1	Khoa học	Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu
2	Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt... trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân
3	Báo chí (thông tấn)	Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự.
4	Chính luận	Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội
5	Nghệ thuật	-Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện...
6	Hành chính	-Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lý xã hội.

3. Các thao tác lập luận

Trong một văn bản thường kết hợp nhiều thao tác lập luận, song thường có một thao tác chính.

TT	Thao tác lập luận	Đặc điểm nhận diện
1	Giải thích	Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.
2	Phân tích	Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kỹ lưỡng nội dung và mối liên hệ

		bên trong của đối tượng.
3	Chứng minh	Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.)
4	Bác bỏ	Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.
5	Bình luận	Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng... đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại...; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng.
6	So sánh	So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm. Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

4. Các biện pháp tu từ

- Tu từ về ngữ âm: điệp âm, điệp vần, điệp thanh,... (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)
- Tu từ về từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...
- Tu từ về cú pháp: Lập cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,...

Bảng biện pháp tu từ và hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật):

TT	Biện pháp tu từ	Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)
1	So sánh	Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
2	Ẩn dụ	Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
3	Nhân hóa	Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người
4	Hoán dụ	Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

5	Điệp từ/ngữ/cấu trúc	Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.
6	Nói giảm	Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng
7	Thậm xưng/ Nói quá	Tô đậm, phóng đại về đối tượng
8	Câu hỏi tu từ	Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định...)
9	Đảo ngữ	Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên
10	Đổi	Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa
11	Im lặng	Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc
12	Chơi chữ	Chơi chữ là BPTT lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.
13	Tương phản	Là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt
14	Liệt kê	Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt

*** Lưu ý: Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ:**

- Ẩn dụ:

+ Giữa hai sự vật, hiện tượng có mối quan hệ **tương đồng**, tức giống nhau về phương diện nào đó.(hình thức; cách thức thực hiện; phẩm chất; cảm giác).

+ Ẩn dụ lâm thời biểu hiện mối quan hệ giống nhau giữa hai sự vật.

+ **VD:** *Thuyền về có nhớ bến chăng?/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

Ẩn dụ: *thuyền* - người con trai (người đang xuôi ngược, đi lại - di động)

bến - người con gái (kẻ đang đứng đó, ở lại - cố định)

=> giống như phép so sánh ngầm

- Hoán dụ:

+ Giữa hai sự vật, hiện tượng có mối quan hệ **tương cận**, tức **đi đôi**, gần gũi với nhau (bộ phận - toàn thể; vật chứa đựng - vật bị chứa đựng; dấu hiệu của sự vật - sự vật; cụ thể - trừu tượng).

+ Hoán dụ biểu thị mối quan hệ gần gũi, có thực giữa đối tượng biểu hiện và đối tượng được biểu hiện.

+ **VD:** (1) “*Mắt thương nhớ ai/ Mắt ngủ không yên*”

Hoán dụ: *Mắt* để chỉ Cô gái (lấy cái bộ phận để nói cái toàn thể - Hoán dụ)

(2) *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ Cau thôn Đoài nhớ sầu không thôn nào.*

Hoán dụ: *thôn Đoài, thôn Đông* để chỉ người thôn Đoài, người thôn Đông (vật chứa đựng - vật bị chứa đựng)

5. Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

- Có 4 phép liên kết hình thức trong văn bản:

TT	Các phép liên kết	Đặc điểm nhận diện
1	Phép lặp từ ngữ	Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước
2	Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa)	Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước
3	Phép thế	Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
4	Phép nối	Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước

6. Phân biệt các thể thơ

- Để phân biệt được các thể thơ, xác định được đúng thể loại khi làm bài kiểm tra, chúng ta cần xác định: những quy tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp ... Căn cứ vào luật thơ, người ta phân chia các thể thơ Việt Nam ra thành 3 nhóm chính

- Các thể thơ dân tộc: lục bát, song thất lục bát, hát nói; các thể thơ Đường luật: ngũ ngôn, thất ngôn; các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi, ...

- Đặc điểm và tác dụng của một số thể thơ:

+ Thơ lục bát: giọng mềm mại, có vần có nhịp uyển chuyển, gần lời ru, tiếng hát trong dân ca

+ Thơ thất, bát, ngũ ngôn: giọng rắn rỏi, nhịp cân đối mang âm hưởng thơ ca trung đại

+ Thơ tự do: câu thơ dài ngắn linh hoạt tuy không vần nhưng thanh điệu đầy tính nhạc, nhịp điệu hài hòa, trôi chảy, trau chuốt...

7. Xác định nội dung, chi tiết chính có liên quan đến văn bản

- Đặt nhan đề, xác định câu chủ đề: Văn bản thường là một chỉnh thể thống nhất về nội dung, hài hòa về hình thức. Khi hiểu rõ được văn bản, học sinh dễ dàng tìm được nhan đề cũng như nội dung chính của văn bản.

+ Trước hết, học sinh cần hiểu nghĩa của đoạn văn đó

+ Tìm những câu văn mang nội dung của chủ đề. Cần xác định xem đoạn văn đó trình bày theo cách nào. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách diễn dịch thì câu chủ đề thường ở đầu đoạn. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách quy nạp thì câu chủ đề nằm ở cuối đoạn. Còn đoạn văn trình bày theo cách móc xích hay song hành thì câu chủ đề là câu có tính chất khái quát nhất, khái quát toàn đoạn. Câu đó có thể nằm bất cứ vị trí nào trong đoạn văn.

+ Viết lại câu văn đó hoặc tự tóm gọn lại thành Nhan đề hoặc một câu chủ đề ngắn gọn

8. Xác định nội dung chính của văn bản

- Học sinh căn cứ vào tiêu đề của văn bản. Căn cứ vào những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản.

- Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là học sinh phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... Xác định được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó. (Cũng giống như cách tìm nhan đề, chủ đề của văn bản, nhưng nội dung chính các em sẽ viết cụ thể hơn)

9. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản

- Phần này trong đề thi thường hỏi anh/ chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Sau khi chỉ ra được có thể lý giải phân tích vì sao lại như vậy.

- Học sinh đọc kỹ đề, khi lý giải phải bám sát vào văn bản. Phần này phụ thuộc nhiều vào khả năng cảm thụ thơ văn của học sinh.

10. Dựa vào văn bản cho sẵn viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng

Trong đề đọc hiểu phần câu hỏi này thường là câu cuối cùng. Sau khi các em học sinh nghiên cứu, tìm hiểu và trả lời các câu trên, đến câu này là câu có tính chất liên hệ mở rộng. Nó thuộc câu hỏi vận dụng. Học sinh dựa vào văn bản đã cho, bằng sự trải nghiệm của bản thân để viết một đoạn văn theo chủ đề.

Các em viết một đoạn văn ngắn gọn, thể hiện sự hiểu biết về câu hỏi và lý giải vì sao mình viết như vậy. Có thể đưa ra bài học hoặc liên hệ, mở rộng tùy theo yêu cầu của đề bài.

B/ ĐỀ LUYỆN TẬP KÈM ĐÁP ÁN

Đề 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

(...) “Trước khi đi vào thực trạng văn hóa đọc của thanh niên nước ta, chúng ta cần phải trả lời được câu hỏi: văn hóa đọc là gì? Văn hóa đọc bắt nguồn từ việc đọc sách nhưng không đơn thuần là việc đọc sách. Thật vậy, từ việc đọc sách thường xuyên, ta có được thói quen đọc sách và thói quen này dần nhân rộng trong xã hội, trở thành một nét đẹp. Trong quá trình hình thành và phát triển nét đẹp ấy, ta dần luyện tập được thêm ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc. Với ứng xử đọc là cách ta nhìn nhận tri thức từ sách vở. Giá trị đọc là khả năng ta đãi được những hạt vàng trong các trang sách. Chuẩn mực đọc là cái thước đo để xác định một cuốn sách, một tài liệu là đáng để chúng ta bỏ thời gian đọc hay không. Tất cả các nhân tố ấy hợp lại tạo nên một văn hóa mà ta gọi là văn hóa đọc.”

(Phạm Lâm Ngọc Bích – HS trường chuyên Lương Thế Vinh – Đồng Nai)

- 1/ Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 đ)
- 2/ Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì? Hãy xác định vị trí đoạn trích (Vị trí nào trong văn bản?) (0,5 đ)
- 3/ Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn. (01đ)
- 4/ Anh/ chị rút ra được bài học gì về phương pháp viết đoạn văn nghị luận nói riêng, bài văn nghị luận nói chung? (Yêu cầu trình bày ngắn gọn khoảng 5 – 8 dòng) (01đ)

Đáp án đề 1:

- 1/ Nội dung chính: Văn bản giải thích “văn hóa đọc” là gì.
- 2/ Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Vị trí đoạn trích nằm ở phần đầu của thân bài.
- 3/ Biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trích trên là: Ẩn dụ: *Giá trị đọc là khả năng ta đãi được những hạt vàng trong các trang sách*. Hiệu quả: làm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho lập luận; tạo ấn tượng sâu sắc về ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ:
 - “những hạt vàng” ở đây là những lời hay ý đẹp, những giá trị sống, những thông điệp mà tác giả muốn gửi đến cho bạn đọc.

- Đọc sách là quá trình chắt lọc những “hạt vàng” trong sách, biến “những hạt vàng” ấy thành kiến thức, vốn sống của bản thân.

4/ Bài học rút ra: Khi làm bài văn nghị luận, ngoài việc tuân theo những yêu cầu chung, người viết phải:

- Có những ý kiến, nhận định riêng, sáng tạo của bản thân.
- Thỉnh thoảng, cần kết hợp phương thức biểu đạt biểu cảm, cụ thể là một số phép tu từ để lập luận thêm sinh động, thuyết phục.

Đề 2: Đọc đoạn thơ sau (lời bài hát *Khát vọng* – Phạm Minh Tuấn) và trả lời các câu hỏi:

*Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội
Hãy sống như đời núi vượn tới những tầm cao
Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng
Hãy sống như ước vọng để thấy đời mênh mông*

*Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la
Và sao không là phù sa rót mỡ màu cho hoa
Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư*

*Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông
Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung
Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư*

- 1/ Chủ đề bài hát là gì? Phương thức biểu đạt của bài hát trên? (0,5đ)
- 2/ Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát trên (0,75đ)
- 3/ Những câu nào trong lời bài hát để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất? (0,75đ)
- 4/ Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc gì? (01đ)

Đáp án đề 2 :

1/ Chủ đề và phương thức biểu đạt:

- Chủ đề: Khát vọng, ước mơ cao đẹp của con người.
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả.

2/ Các biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát và tác dụng:

- Các biện pháp tu từ:

- + Điệp ngữ: Hãy sống như, và sao không là...
- + Câu hỏi tu từ
- + Liệt kê...

- Tác dụng: Các biện pháp tu từ trên nhấn mạnh vào khát vọng cao đẹp của nhạc sĩ, đặc biệt còn khiến lời ca như giục giã nhắc nhở con người về lẽ sống tốt đẹp...

3/ Những câu trong lời bài hát để lại ấn tượng sâu sắc nhất: (HS có thể nêu một trong những câu sau, vấn đề là phải tỏ ra hiểu câu văn đó)

- *Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội*
- *Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc*
- *Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư.*

Lời bài hát đều rất xúc động bởi ý nghĩa sâu xa. Ba câu thơ trên cho ta bài học về đạo lí sống tốt đẹp *uống nước nhớ nguồn*. Hơn thế, còn định hướng cho ta sống có ích như mặt trời đối với vạn vật trên trái đất.

4/ HS có thể trả lời theo định hướng: Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc phong phú, cảm phục, tự hào về tình yêu cuộc đời tha thiết mà tác giả gửi gắm. Đó là khát vọng hóa thân để cống hiến và dựng xây cuộc đời.

Đề 3 :Đọc đoạn thơ và thực hiện những yêu cầu sau:

“...Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mênh mông nhường nào

Chỉ có biển mới biết

Thuyền đi đâu, về đâu

Những ngày không gặp nhau

Biển bạc đầu thương nhớ

*Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ
Nếu từ già thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió
Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố!” ...*

- 1/ Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì? (0,5đ)
- 2/ Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ? (0,5đ)
- 3/ Trong đoạn thơ hình ảnh **thuyền** và **biển** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào? (0,5đ)
- 4/ Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ. (0,5đ)
- 5/ Hình ảnh **biển bạc đầu** trong câu thơ “**Biển bạc đầu thương nhớ**” có ý nghĩa gì? (0,5đ)
- 6/ Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào? Tác dụng của biện pháp đó? (0,5đ)

Đáp án đề 3:

- 1/ Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì? *Thể thơ 5 chữ.*
- 2/ Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ?
Đoạn thơ với hình tượng thuyền và biển gợi lên một tình yêu tràn trề, mệnh mông với nỗi nhớ da diết nhưng cũng đầy lo âu, khắc khoải của cái tôi thi sĩ đầy cảm xúc.
- 3/ Trong đoạn thơ hình ảnh **thuyền** và **biển** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào?
*Bằng nghệ thuật ẩn dụ mượn hình tượng **thuyền** và **biển** thể hiện tình cảm của đôi lứa yêu nhau- thuyền (người con trai) biển (người con gái)-> Nổi bật một tình yêu ngọt ngào, da diết, mãnh liệt nhưng sâu sắc và đầy nữ tính.*
- 4/ Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ.
Thuyền và biển/ nỗi nhớ / ...
- 5/ Hình ảnh **biển bạc đầu** trong câu thơ “**Biển bạc đầu thương nhớ**” có ý nghĩa gì?

Cách nói hình tượng, Tác giả đã diễn tả nỗi nhớ thiết tha, nỗi nhớ được dựng lên bởi một thời gian bất thường và cụ thể hóa được nỗi nhớ thương: *biển bạc đầu vì thương nhớ, biển thương nhớ cho đến nỗi bạc cả đầu, biển đã bạc đầu mà vẫn còn thương còn nhớ như thuở đôi mươi.*

6/ Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào?
Tác dụng của biện pháp đó ?

Biện pháp lập cú pháp “*Những ngày không gặp nhau/ Biển chỉ còn sóng gió - Em chỉ còn bão tố!*” ... -> Khẳng định sự thủy chung trong nỗi nhớ qua thời gian.

Đề 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

Nhiều người Việt kiếm tiền bằng mọi giá, đánh đổi cả liêm xỉ, danh dự để có tiền. Sự kiếm tiền nào độc ác hơn là kiếm tiền trên sức khỏe và mạng sống đồng bào mình? Trung bình hai giờ đồng hồ có ba mươi người chết vì bệnh ung thư- một con số tàn nhẫn đến rợn người. Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau? Đó là câu hỏi trăn trở của không biết bao nhiêu người có lương tâm và dường như đến thời điểm này họ vẫn đang bất lực. Làm thế nào để con người biết yêu thương nhau hơn? Đơn giản vậy thôi nhưng nó quyết định vận mệnh của cả dân tộc, cả thế giới này. Người nông dân chỉ cần thương người tiêu dùng một chút đã không nhẫn tâm tưới thuốc độc lên rau củ quả để đào huyệt chôn đồng bào mình và chôn sống chính mình. Các quan chức chỉ cần bớt lãng phí một chút thôi, sẽ có bao nhiêu bệnh viện được xây và bao nhiêu đứa trẻ được đến trường.

(Lê Bình, trích *Tạp chí kinh tế tuần Bính Thân- Phẳng hay không phẳng*, VTV1, 12/2/2016)

Câu 1. Đoạn trích trên được trình bày theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,5đ)

Câu 2. Tác giả thể hiện thái độ gì đối với các vấn đề còn tồn tại của xã hội? Thái độ đó được bộc lộ qua những yếu tố ngôn ngữ nào? (0,5đ)

Câu 3. Theo tác giả, vấn đề cơ bản nhất cần giải quyết là gì? (0,5đ)

Câu 4. Từ góc độ cá nhân, anh/chị hãy trả lời câu hỏi: *Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?* (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng) (1,5đ)

Đáp án đề 4:

1. Đoạn trích được trình bày theo phong cách ngôn ngữ Báo chí/Chính luận/ kết hợp hai phong cách ngôn ngữ: Báo chí, Chính luận

2. Thái độ của tác giả: day dứt, đau đớn, lên án....

Bộc lộ qua các yếu tố ngôn ngữ:

- Câu: nhiều câu hỏi, câu nêu giả thiết...

- Từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm: đánh đổi liêm xỉ, độc ác, tàn nhẫn đến rợn người, nhẫn tâm, chôn sống...

3. Vấn đề cơ bản nhất cần giải quyết: Làm thế nào để con người biết yêu thương nhau hơn?/ Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?

4. Trả lời câu hỏi: Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?

Thí sinh có thể trình bày nhiều cách, sau đây là một phương án:

- Người Việt thôi độc ác với nhau khi không muốn độc ác: mỗi cá nhân tự nâng cao ý thức đạo đức; giáo dục tác động vào nhận thức, vào lương tri của tất cả mọi người

- Người Việt thôi độc ác với nhau khi không dám độc ác: có những quy định về xử phạt nặng đủ sức răn đe để họ sợ không dám gây tội ác

- Người Việt thôi độc ác với nhau khi không thể độc ác: các cơ quan chức năng vào cuộc giám sát chặt chẽ mọi khâu để cái ác cái xấu không có cơ hội tồn tại. Người tiêu dùng phải thông thái, dừng cảm để cái ác cái xấu không có đất tồn tại

Đề 5: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Hạt gạo làng ta

Có bão tháng bảy

Có mưa tháng ba

Giọt mồ hôi sa

Những trưa tháng sáu

Nước như ai nấu

Chết cả cá cò

Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy...

(Trích “ Hạt gạo làng ta” – Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. (0,5đ)

Câu 2. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5đ)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ. (1đ)

Câu 4. Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo?
(Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng) (01đ)

Đáp án đề 5:

1. Phong cách ngôn ngữ văn chương(nghệ thuật)

2. Thể thơ tự do

3. -So sánh, Phóng đại

- Tác dụng: Khẳng định, nhấn mạnh nỗi vất vả của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo.

4- Đoạn văn chặt chẽ.

-Thể hiện suy nghĩ, tình cảm tích cực: thấu hiểu nỗi vất vả của người dân, trân trọng sản phẩm lao động của họ,... GV chấm bài linh hoạt trong cách thể hiện của HS

Đề 6: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

“... Với một tốc độ truyền tải như vũ bão, Internet nói chung, Facebook nói riêng hàm chứa nhiều thông tin không được kiểm chứng, sai sự thật, thậm chí độc hại. Vì thế, nó cực kì nguy hiểm, có thể gây ảnh hưởng xấu đến chính trị, kinh tế, đạo đức ... và nhiều mặt của đời sống, có thể gây nguy hại cho quốc gia, tập thể hay các cá nhân. Do được sáng tạo trong môi trường ảo, thậm chí nặc danh nên nhiều “ngôn ngữ mạng” trở nên vô trách nhiệm, vô văn hóa... Không ít kẻ tung lên Facebook những ngôn ngữ tục tĩu, bần thiêu nhằm nói xấu, đả kích, thóa mạ người khác. Chưa kể đến những hiện tượng xuyên tạc tiếng Việt, viết tắt, kí hiệu đến kì quặc, tùy tiện đưa vào văn bản những chữ z, f, w vốn không có trong hệ thống chữ cái tiếng Việt, làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt...”

(Trích “**Bàn về Facebook với học sinh**”, Lomonoxop. Edu.vn)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. (0,5đ)

Câu 2: Nêu nội dung khái quát của văn bản trên. (0,5đ)

Câu 3: Tác giả thể hiện thái độ gì khi bàn về hiện tượng trên? (0,5đ)

Câu 4: Anh/chị phải làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? (1,5đ)

(Trình bày khoảng 5 – 7 dòng)

Đáp án đề 6:

1. Phương thức biểu đạt: nghị luận

2. Nội dung văn bản: Tác hại của Internet, Facebook

3. Thái độ của tác giả: không bằng lòng; lo lắng,...

4. -Đoạn văn chặt chẽ.

- Nêu được phương hướng của bản thân để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:

+ Hiểu biết về tiếng Việt.

+ Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn.

+ Sử dụng tiếng Việt đảm bảo tính lịch sự, văn hóa.

- GV chấm bài linh hoạt trong cách thể hiện của HS

Đề 7: Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4.

Các anh đứng như tượng đài quyết tử

Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra

Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt

Đang bồn chồn thao thức với Trường Sa

Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma

Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn

Để một lần Tổ quốc được sinh ra

(Nguyễn Việt Chiến, *Tổ quốc ở Trường Sa*)

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5đ)

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Các anh đứng như tượng đài quyết tử.* (0,75đ)

Câu 3. Hai từ *bồn chồn*, *thao thức* thể hiện tình cảm gì đối với Trường Sa? (0,75đ)

Câu 4. Câu thơ *Để một lần Tổ quốc được sinh ra* gọi cho anh/ chị những suy nghĩ gì?
(Trả lời từ 5 đến 7 dòng) (01đ)

Đáp án đề 7:

Câu 1 Thể thơ tám tiếng

Câu 2 Phép tu từ so sánh thể hiện sự dũng cảm, kiên cường, quyết chiến với kẻ thù của những người chiến sĩ trong nhiệm vụ bảo vệ đảo quê hương.

Câu 3 Hai từ láy thể hiện rõ tâm trạng lo lắng, sẻ chia, yêu thương của những Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt dành cho Trường Sa.

Câu 4

- Ý thơ gợi nhiều suy nghĩ trước những hy sinh to lớn của chiến sĩ Gạc Ma: cảm phục, trân trọng, ghi sâu công ơn những người anh hùng đã Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.
- Vai trò của người chiến sĩ cũng chính là vai trò của nhân dân- những con người làm nên Đất nước.
- Từ đó, thế hệ hôm nay cần nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân đối với Trường Sa, với đất nước.

Đề 8: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

Trong xã hội ta, nhiều thanh niên biết tỏ lòng thương yêu quý mến nhân dân bằng hành động dũng cảm và hào hiệp; lúc chiến tranh xông pha lửa đạn để bảo vệ tính mạng và tài sản của đồng bào; lúc bình thường cứu giúp trẻ em bị tai nạn, đỡ đàn người đi đường bị ốm đau,...Những việc làm mang nội dung đạo đức tốt đẹp của người thanh niên mới như thế rất đáng biểu dương, khuyến khích.

Thanh niên phải luôn có tinh thần xung phong, gương mẫu; bất cứ việc gì tập thể cần thì thanh niên phải làm với tinh thần trách nhiệm cao nhất; song phải luôn luôn khiêm tốn, thật thà, không phô trương, dối trá. Đó cũng là một thái độ đúng đắn của thanh niên đối với nhân dân, của cá nhân đối với tập thể.

Thanh niên cũng phải dành thì giờ nhất định để giúp đỡ cha mẹ, săn sóc các em,

chăm lo một phần công việc gia đình. Người thanh niên nào không biết tí gì đến việc nhà, không kính yêu cha mẹ, không thương mến người thân trong gia đình thì ngoài xã hội làm sao có lòng yêu mến nhân dân thực sự được? ”

(Trích *Con đường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên*,

Ngữ văn 12, tập một, NXBGD 2013, trang 37)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5đ)

Câu 2. Văn bản đề cập đến nội dung gì? (0,5đ)

Câu 3. Theo tác giả, trên con đường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, thanh niên cần làm gì? (0,5đ)

Câu 4. Ngoài những điều trên, theo anh/ chị thanh niên trong thời đại ngày nay cần có thêm những phẩm chất gì? (Trả lời từ 5 đến 7 dòng). (1,5đ)

Đáp án đề 8:

Câu 1 Phương thức nghị luận

Câu 2 Những việc làm đáng biểu dương của thanh niên để tạo dựng lòng tin yêu của nhân dân và gia đình.

Câu 3 Thanh niên cần yêu mến nhân dân, sẵn sàng giúp đỡ nhân dân trong mọi hoàn cảnh; thanh niên phải gương mẫu, khiêm tốn, thật thà; phải biết chia sẻ với người thân trong gia đình.

Câu 4 Học sinh viết theo suy nghĩ bản thân.

Đề 9: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

“Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái gan mạo hiểm, ở đời không biết cái khó là cái gì. [...]

Còn những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự, sống lâu giàu bền, còn việc nước việc đời không quan hệ gì

đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có ngày vùng vẫy trong trường cạnh tranh này thế nào được nữa. [...]

Vậy học trò ngày nay phải biết xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở. Phải biết rằng: hay ăn miếng ngon, hay mặc cửa tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhảy lên cái xe, hễ ngồi quá giờ thì đã kêu chóng mặt,... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mạo hiểm của mình đi.”

(Trích **Mạo hiểm** - Nguyễn Bá Học, *Quốc văn trích diễm*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2005)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0,5đ)

Câu 2. Theo tác giả, nhờ đâu mà “xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi”? (0,5đ)

Câu 3. Tác giả đã thể hiện thái độ gì đối với “những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự...”? (0,5đ)

Câu 4. Anh /Chị suy nghĩ gì về câu văn: *Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông?* (Trình bày trong khoảng 5 đến 7 dòng) (1,5đ)

Đáp án đề 9

1. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận

2. Theo tác giả “xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi” là nhờ “cái gan mạo hiểm, ở đời không biết cái khó là gì”

3. Tác giả thể hiện thái độ phê phán, lo ngại, trăn trở đối với “những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số...”

4. Thể hiện được suy nghĩ sâu sắc về câu văn: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông” (Trên con đường đến với những thành công, nhiều khi sẽ gặp khó khăn, trở ngại, nhưng nếu có bản lĩnh và quyết tâm thì vẫn tới đích. Những khó khăn trở ngại không đáng sợ bằng sự ngại khó, ngại khổ, thiếu ý chí, thiếu nghị lực của con người)

Đề 10: Đọc hai đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4.

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên.
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.
(Mẹ và quả - Nguyễn Khoa Điềm)
Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

(Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

Câu 1. Nêu hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất.

Câu 2. Xác định nghệ thuật tương phản trong từng đoạn thơ trên?

Câu 3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “*Thời gian chạy qua tóc mẹ*”?

Câu 4. Những điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trên là gì?
Trả lời trong khoảng 6 - 8 dòng.

Đáp án đề 10:

Câu 1. (0,5 điểm) Hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất: Miêu tả, biểu cảm.

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định nghệ thuật tương phản trong đoạn thơ thứ nhất: tương phản giữa “*Lũ chúng tôi... lớn lên*” và “*bí và bầu lớn xuống*”; trong đoạn thơ thứ hai: tương phản giữa “*Lưng mẹ... còng dần xuống*” và “*con ngày một thêm cao*”.

Câu 3. (0,75 điểm) Hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “*Thời gian chạy qua tóc mẹ*”: Nhân hóa “*Thời gian*” qua từ “*chạy*”, cho thấy thời gian trôi qua nhanh làm cho mẹ già nua, bộc lộ nỗi xót xa, thương mẹ của người con.

Câu 4. (1,25 điểm) Hai đoạn thơ trên có điểm giống nhau **về nội dung**: Bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của con trước những hi sinh thầm lặng của mẹ; **về nghệ thuật**: ngôn ngữ tạo hình, biểu cảm, biện pháp tương phản, nhân hóa.

Đề 11: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“...Nói tới sách là nói tới trí khôn của loài người,nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích lũy truyền lại cho mai sau. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi.

Những quyển sách khoa học có thể giúp người đọc khám phá ra vũ trụ vô tận với những quy luật của nó,hiểu được trái đất tròn trên mình nó có bao nhiêu đất nước khác nhau với những thiên nhiên khác nhau. Những quyển sách xã hội lại giúp ta hiểu biết về đời sống con người trên các phần đất khác nhau đó với những đặc điểm về kinh tế,lịch sử, văn hóa, những truyền thống,những khát vọng.

Sách, đặc biệt là những cuốn sách văn học giúp ta hiểu biết về đời sống bên trong tâm hồn của con người, qua các thời kì khác nhau,những niềm vui và nỗi buồn,hạnh phúc và đau khổ, những khát vọng và đấu tranh của họ. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình,hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này. Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc,đâu là nỗi khổ của con người và phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự.

Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng. Ta đồng ý với lời nhận xét mà cũng là một lời khuyên bảo chí lí của M.Gorki: “Hãy yêu sách,nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Vì thế,mỗi chúng ta hãy đọc sách,cố gắng đọc sách càng nhiều càng tốt”.

(Trích *Về việc đọc sách*)

Câu 1.Đoạn trích được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0,5 điểm)

Câu 2.Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Trong đoạn trích,tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy nêu quan điểm riêng của mình về ý nghĩa của việc đọc sách đối với lớp trẻ ngày nay. Trả lời trong khoảng 7-8 dòng (1,5 điểm)

Đáp án đề 11:

Câu 1. Trả lời đúng theo một trong các cách: Phong cách ngôn ngữ chính luận/ Phong cách chính luận/ Chính luận. **(0,5 điểm)**

Câu 2. Ghi đúng câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: “Nói tới sách là nói tới trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích lũy truyền lại cho mai sau.” **(0,5 điểm)**

Câu 3. Trả lời đúng theo một trong các cách: Thao tác lập luận phân tích/ Thao tác phân tích/ Lập luận phân tích/ Phân tích. **(0,5 điểm)**

Câu 4. Nêu ý nghĩa của việc đọc sách theo quan điểm riêng của bản thân, không lặp lại ý của tác giả trong đoạn trích đã cho. **(1,5 điểm)**

Những trường hợp sau không được điểm:

- Nêu ý nghĩa của việc đọc sách nhưng không phải là quan điểm riêng của bản thân mà lặp lại ý của tác giả trong đoạn trích.
- Nêu ý nghĩa của việc đọc sách theo quan điểm riêng nhưng không hợp lí, không thuyết phục.
- Câu trả lời chung chung, không rõ ý, không thuyết phục.
- Không có câu trả lời.

Đề 12: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

Trong dòng đời vội vã có nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Nhưng đã là cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn đó nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta sẻ chia, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. (Đó chính là sự “cho” và “nhận” trong cuộc đời này)

“Cho” và “nhận” là hai khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhưng số người có thể cân bằng được nó lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ai cũng có thể nói “Những ai biết yêu thương sẽ sống tốt đẹp hơn” hay “Đúng thế, cho đi là hạnh phúc hơn nhận về”.

Nhưng tự bản thân mình, ta đã làm được những gì ngoài lời nói? Cho nên, giữa nói và làm lại là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ

thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Nhưng xin đừng quá chú trọng đến cái tôi của chính bản thân mình. Xin hãy sống vì mọi người để cuộc sống không đơn điệu và để trái tim cỏ những nhịp đập yêu thương.

Cuộc sống này có qua nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là tình yêu thương. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi. Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất.

(Trích “Lời khuyên cuộc sống...”)

[Nguồn: radiovietnam.vn/.../xa.../loi-khuyen-cuoc-song-suy-nghi-ve-cho-va-nhan]

Câu hỏi:

Câu 1. Trong văn bản trên, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,5đ)

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên? (0,5đ)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao người viết cho rằng: *“Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình”*? (0,5đ)

Câu 4. Cho biết suy nghĩ của anh/chị về quan điểm của người viết: *“Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất”*. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (1,5đ)

Đáp án đề 12:

1. Trong văn bản trên, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: phân tích
2. Nội dung chính của đoạn văn: bàn về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.
3. Người viết cho rằng: “Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình” bởi vì đó là sự “cho” xuất phát từ tấm lòng, từ tình yêu thương thực sự, không vụ lợi, không tính toán hơn thiệt.
4. Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng phải nhấn mạnh được đó là quan điểm hoàn toàn đúng đắn, đúng với mọi người, mọi thời đại, như là một quy luật của cuộc sống, khuyên mỗi người hãy cho đi nhiều hơn để được nhận lại nhiều hơn.

Đề 13: Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

*Đêm sao sáng
Đêm hiện dần lên những chấm sao
Lòng trời đương thấp bóng nhiên cao
Sông Ngân đã tỏ đôi bờ lạnh
Ai biết cầu Ô ở chỗ nào?
(...) Chùm sao Bắc Đẩu sáng tinh khôi
Lộng lẫy uy nghi một góc trời
Em ở bên kia bờ vĩ tuyến
Nhìn sao sao thức mấy năm rồi!
Sao đặc trời, sao sáng suốt đêm
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền
Trời còn có bữa sao quên mọc
Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Nguyễn Bính, Tháng 12 – 1957.

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ? (0,5đ)

Câu 2. Đoạn thơ trên được viết theo thể loại nào? (0,5đ)

Câu 3. Nêu tác dụng nghệ thuật của hai biện pháp tu từ được sử dụng ở cuối của đoạn thơ (01đ)

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật trữ tình được gửi gắm trong đoạn thơ trích? Trả lời trong khoảng 5-7 dòng (01đ)

Đáp án đề 13:

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

2. Đoạn thơ được viết theo thể thơ 7 chữ.

3.

– Hai biện pháp tu từ được sử dụng ở cuối của đoạn thơ: Cấu trúc câu “chẳng...chẳng...” và nghệ thuật đối lập tương phản trong hai câu thơ: “Trời còn có bữa sao quên mọc Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.”

– Tác dụng: Khẳng định, nhấn mạnh, khắc sâu nỗi nhớ mà anh dành cho em là thường trực, đều đặn ngày này qua ngày khác, vượt qua cả hiện tượng thiên nhiên (sao có đêm không mọc nhưng nỗi nhớ mà anh dành cho em thì đêm nào cũng hiển hiện)

4. Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau những phải nhấn mạnh được tâm trạng của nhân vật trữ tình được gửi gắm trong đoạn thơ trích đó là nỗi nhớ thương khắc khoải, khôn nguôi đối với người con gái trong xa cách.

Đề 14: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

*Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sẫm
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Có con ghé trên lưng bùn ướt đầm
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.*

...

*Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.*

...

*Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá môi tôi hôi hộp quá
Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình.*

(*Tiếng Việt*, Lưu Quang Vũ - *Thơ tình*, NXB Văn học 2002)

1. Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là gì ? (0,5đ)
2. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:

*Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.* (01đ)

3. Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn thơ. (0,5đ)
4. Viết một đoạn văn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) sau khi đọc câu thơ:
Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình. (01đ)

Đáp án đề 14:

1. Những phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm, tự sự, miêu tả 2 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: So sánh

- Nêu tác dụng: Biện pháp so sánh được sử dụng khiến hai câu thơ trở nên mềm mại, cuốn hút. So sánh tiếng Việt với đất cày, lúa, tre ngà, thơ tác giả gợi ra vẻ bình dị, nên thơ, gần gũi, gần bó của tiếng Việt với cuộc sống của người nông dân, đồng thời khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu, ý thức trách nhiệm gìn giữ vẻ đẹp văn hóa quý báu của dân tộc.

3 Nội dung chính của đoạn thơ là: Ca ngợi vẻ đẹp, thể hiện sự gắn bó, yêu quý, thấu hiểu của tác giả với tiếng Việt.

4- Câu thơ cho thấy những ân tình của tiếng Việt, những giá trị cao cả mà tiếng Việt bồi đắp và dẫn dắt.

- Câu thơ cũng nhắc nhở về tình cảm mến yêu tha thiết, ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc gìn giữ, bảo vệ làm cho tiếng Việt ngày càng giàu và đẹp.

Đề 15: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Thương thay thân phận con tằm
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay con kiến li ti
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc lánh đường mây
Chim bay mỗi cánh biết ngày nào thôi.
Thương thay con quốc giữa trời
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.*

1. Bài ca dao có những hình ảnh gì? Được khắc họa như thế nào? Có những đặc điểm gì chung. (01đ)

2. Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu ý tác dụng của việc sử dụng phép tu từ đó. (01)

3. Chủ đề của bài ca dao là gì? (0,5đ)

4. Anh, chị hãy đặt nhan đề cho bài ca dao trên. (0,5đ)

Đáp án đề 15:

- Bài ca dao có hình ảnh sau: con tằm, con kiến, chim hạc, con quốc. Những hình ảnh này được khắc họa qua hành động hàng ngày của chúng (tằm – nhả tơ; kiến – tham ôi, chim hạc – bay, quốc kêu...). Những hình ảnh con vật này đều có chung những đặc điểm là nhỏ bé, yếu ớt nhưng siêng năng, chăm chỉ và cần mẫn.

- Tác giả dân gian đã sử dụng thành công phép điệp ngữ và ẩn dụ. Việc lặp đi lặp lại cấu trúc than thân “thương thay” đi liền với những hình ảnh và hoạt động hàng ngày của các hình tượng (tằm, kiến, hạc, quốc), và phép tu từ ẩn dụ: dùng hình ảnh những con vật nhỏ bé, yếu ớt nhưng chăm chỉ, siêng năng để nói về những người dân lao động thấp cổ, bé họng, đã giúp người bình dân xưa nhấn mạnh vào nỗi bất hạnh, phải chịu nhiều áp bức, bắt công, bị bóc lột một cách tàn nhẫn của người lao động nghèo trong xã hội cũ.

- Chủ đề của bài ca dao: Nỗi thống khổ, thân phận của người nông dân trong xã hội cũ.

- Nhan đề: ca dao than thân, khúc hát than thân.

Đề 16: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Tình ta như hàng cây
Đã qua mùa gió bão.
Tình ta như dòng sông
Đã yên ngày thác lũ.

Thời gian như là gió
Mùa đi cùng tháng năm
Tuổi theo mùa đi mãi
Chỉ còn anh và em.

Chỉ còn anh và em
Cùng tình yêu ở lại...

- Kia bao người yêu mới

Đi qua cùng heo may.

(Trích **Thơ tình cuối mùa thu** - Xuân Quỳnh)

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn thơ trên. (0,25đ)

Câu 2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ: *Tình ta như hàng cây / Đã qua mùa gió bão / Tình ta như dòng sông / Đã yên ngày thác lũ.* (0,75đ)

Câu 3. Điệp khúc “Chỉ còn anh và em” được tác giả lặp lại hai lần trong đoạn thơ mang ý nghĩa gì? (0,5đ)

Câu 4. Anh/ chị hãy nhận xét quan niệm về tình yêu của tác giả qua những dòng thơ: *Thời gian như là gió/ Mùa đi cùng tháng năm/ Tuổi theo mùa đi mãi/ Chỉ còn anh và em .../ Cùng tình yêu ở lại.* (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng). (1,5đ)

Đáp án đề 16:

1 Trả lời đúng theo một trong các cách: thơ ngũ ngôn/ thơ tự do

2 Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ là:

+ So sánh: Tình ta như hàng cây / Tình ta như dòng sông

+ Ẩn dụ: mùa gió bão/ ngày thác lũ

+ Điệp cấu trúc: Tình ta như.../ Đã qua... Đã yên...

3 Điệp khúc “Chỉ còn anh và em” lặp lại hai lần trong đoạn thơ có ý nghĩa: khẳng định tình yêu thủy chung, bền chặt, không thay đổi.

4 - Quan niệm về tình yêu của tác giả: Dù vạn vật có vận động, biến thiên nhưng có một thứ bất biến, vĩnh hằng, đó chính là tình yêu. Tình yêu đích thực vượt qua thời gian và mọi biến cải của cuộc đời. (Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục).

Đề 17: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

“ [...] Đất nước vốn là khái niệm trừu tượng, mà thoát đầu con người khó có thể cắt nghĩa cho thật gãy gọn, rõ ràng. Nhưng những người thân như ông bà, cha mẹ, anh em... thì lại vô cùng cụ thể và được mỗi người cảm nhận trong những mối quan hệ cũng vô cùng cụ thể. Đó là mối quan hệ gắn bó máu thịt hình thành ngay từ khi ta cất tiếng khóc

chào đời và sẽ đi theo ta suốt cuộc đời với biết bao biến cố, thăng trầm, buồn vui, hi vọng... Từ cái nôi gia đình, mỗi người đều có một tuổi thơ gắn liền với kỉ niệm về cây đa, bến nước, sân đình, lũy tre, mái trường, thầy cô, bè bạn. Theo thời gian, những kỉ niệm ấy dần dần trở thành sợi dây tình cảm neo giữ tình yêu của mỗi con người với gia đình, quê hương... Và có thể nói, chính tình yêu đối với gia đình, quê hương sẽ khơi nguồn cho tình yêu đất nước.”

Câu 1. Nêu nội dung và xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?
(0,5đ)

Câu 2. Hãy tìm câu chủ đề của đoạn văn. Từ đó, cho biết đoạn văn được triển khai theo phương pháp nào? (0,5đ)

Câu 3. Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu sau: *Từ cái nôi gia đình, mỗi người đều có một tuổi thơ gắn liền với kỉ niệm về cây đa, bến nước, sân đình, lũy tre, mái trường, thầy cô, bè bạn.* (0,5đ)

Câu 4. Từ văn bản trên, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về trách nhiệm của thanh niên với đất nước. (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng). (1,5đ)

Đáp án đề 17:

1. - Nội dung chính: bàn về vấn đề tình yêu đất nước được bắt nguồn từ tình yêu gia đình, yêu quê hương.

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận

2. - Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn

- Đoạn văn triển khai theo phương pháp quy nạp.

3. Phân tích cấu trúc ngữ pháp

+ Từ cái nôi gia đình: trạng ngữ

+ Mỗi người: chủ ngữ

+ Đều có..... bè bạn: vị ngữ

4. Học sinh có thể trình bày suy nghĩ riêng của mình về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay với đất nước viết đoạn văn đảm bảo các ý:

+ Vì sao thế hệ trẻ lại cần phải có trách nhiệm với đất nước?

+ Trách nhiệm đó là gì?

+ Để thực hiện trách nhiệm đó cần phải làm gì?

Đề 18: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

"...Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái mạo hiểm, ở đời không biết cái khó là gì.

Còn những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho một đời an nhàn vô sự, sống lâu, giàu bền, còn việc nước việc đời không quan hệ gì đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có những ngày vùng vẫy trong trường cạnh tranh này thế nào được nữa. Hãy trông những bọn thiếu niên con nhà kiểu dưỡng, cả đời không dám đi đâu xa nhà, không dám làm quen với một người khách lạ; đi thuyền thì sợ sóng, trèo cao thì sợ run chân, cứ áo buông chùng quần đóng gót, tưởng thế là nho nhã, tưởng thế là tư văn; mà thực ra không có lực lượng, không có khí phách; hễ ra khỏi tay bảo hộ của cha mẹ hay kẻ có thế lực thì không thể nào mà tự lập được.

Vậy học trò ngày nay phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng không lấy làm khổ sở. phải biết rằng: hay ăn miếng ngon, hay mặc của tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhảy lên cái xe, hễ ngồi quá giờ thì đã kêu là chóng mặt, ... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mạo hiểm của mình đi."

(Nguyễn Bá Học, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2005)

Câu 1: Hãy cho biết đoạn trích trên viết về vấn đề gì? Hãy đặt tiêu đề cho đoạn trích? (0,5đ)

Câu 2: Quan điểm của tác giả với vấn đề đó như thế nào? (0,5đ)

Câu 3: Câu 1 và câu 2 của đoạn văn thứ 2 liên kết với nhau bằng hình thức nào? (0,5đ)

Câu 4: Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào là chủ yếu? Ngoài ra, trong đoạn trích còn có thao tác lập luận nào nữa không? (0,5đ)

Câu 5: Anh/chị hãy nêu quan điểm riêng của mình về câu: “Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”.(01đ)

Đáp án đề 18:

Câu 1

- Đoạn văn bản trên viết về vấn đề nghị lực, ý chí và bản lĩnh mạo hiểm của con người.
- Tiêu đề: Mạo hiểm hoặc Sống là phải biết mạo hiểm hoặc Ý chí, nghị lực và bản lĩnh mạo hiểm,...

Câu 2

Quan điểm của tác giả về vấn đề đó là: con người cần phải có ý chí, có nghị lực. Người viết đề cao sự tự lập, và nếu không rèn luyện được một bản lĩnh mạo hiểm thì khó mà thành công, nhất là học trò càng cần đến điều này.

Câu 3

Câu 1 và câu 2 của đoạn văn thứ 2 liên kết với nhau bằng phép thế: Từ “như thế” ở câu 2 thay thế cho cả câu 1 trước đó.

Câu 4

Tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: bình luận. Ngoài ra, trong đoạn trích còn có thao tác lập luận phân tích.

Câu 5

“Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Điều kiện ngoại cảnh thì dễ giải quyết, có thể vượt qua được, mà quan trọng là đã có mục

tiêu, mà khó bởi lòng người ngại gian khổ khó khăn. Nếu không có sự quyết tâm, con người thường sẽ không cố gắng làm những điều mình mong muốn. Do vậy, khi mục tiêu đã có thì chỉ cần có thêm ý chí, nghị lực, con người sẽ đạt được những điều mình muốn.

Đề 19: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm!
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?
- Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn,
Khi Nguyễn Huệ cười voi vào cửa Bắc.
Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng...
Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả
Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn.
Trái cây rơi vào áo người ngấm quả,
Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh ròn,
Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ,
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...
Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng
Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ
Thịt xương ta, giặc phơi ngoài bãi bắn
Lại tái sinh từ Pác Bó, Ba Tơ...
(Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng? – Chế Lan Viên)

Câu 1: Hãy nhận xét về hình thức của đoạn văn bản trên và chỉ ra phép nghệ thuật trong tám dòng thơ đầu? (01đ)

Câu 2: Anh/chị hiểu như thế nào về hai câu thơ:

Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả

Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn. (0,5đ)

Câu 3: Hãy ghi lại cảm xúc của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ. (0,75đ)

Câu 4: Hãy viết một đoạn văn ngắn nói về nội dung văn bản. (0,75đ)

Đáp án đề 19:

Câu 1:

Đoạn văn trên là một đoạn thơ, nhưng tác giả đã tạo ra hình thức đối thoại khá đặc biệt:

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất.

Những phép nghệ thuật được sử dụng trong những câu thơ đầu đoạn là: Câu hỏi tu từ, phép liệt kê.

Câu 2:

Trong hai câu thơ, tác giả đã đề cao thời đại của mình, khẳng định chưa bao giờ tổ quốc lại đẹp như thế này, đồng thời thể hiện niềm tự hào về Tổ quốc của tác giả. Câu thơ cũng bộc lộ niềm tin vào tương lai đất nước mai sau, nhưng với ông thời đại của ông là đáng ghi nhận hơn tất cả.

Câu 3:

Cảm xúc của nhân vật trữ tình là niềm vui sướng, tự hào vô cùng khi được sống trong thời đại hào hùng của đất nước. Nhà thơ bày tỏ thái độ biết ơn khi nhắc đến những khoảnh khắc đẹp trong truyền thống của đất nước, đó là lịch sử, để có những ngày tháng như ngày hôm nay.

Câu 4:

Nội dung của đoạn thơ có nói đến vẻ đẹp của đất nước thời đại của nhà thơ (xây dựng miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ): khắc họa hình ảnh đất nước ở những khoảnh khắc đẹp huy hoàng, nhà thơ khẳng định, lịch sử đã từng có những chiến công, những thành tích đáng ghi nhận, nhưng chưa bao giờ đẹp và huy hoàng như những năm tháng mà ông chứng kiến. Sự so sánh với các thời đại: thời Nguyễn Trãi, thời đại Nguyễn Du, Nguyễn

Huệ, Trần Hưng Đạo... càng làm rõ hơn vẻ đẹp đất nước của hiện tại, hạnh phúc và tự hào khi Đất nước có Đảng, có Bác và có chiến thắng oai hùng.

Đề 20: Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu:

“Khi học lớp 2, tôi thường nghe các bác khen anh nào thi đỗ Đại học bằng một câu rất đặc biệt: Thằng A, thằng B là cái “trán” của xóm tôi đấy. Tôi nhớ năm đó cả làng mới có một người thi đỗ Đại học Y, tổng điểm ba môn Toán, Hóa, Sinh lại rất cao và được sang Hungary du học. Anh ấy trở thành cái trán được nhắc đến nhiều nhất của cả làng. Như một huyền thoại. Mấy năm liền đi đâu cũng nghe nhắc, nghe kể.

Rồi làng dần dần có nhiều người đỗ Đại học. Có năm truyền hình còn về làm cả một phóng sự về một làng quê có số học sinh thi đỗ Đại học với tỉ lệ rất cao. Nói theo cách của các bác là làng tôi giờ đi đâu cũng toàn thấy những trán là trán.

Ước vọng nhiều nên học vấn và tri thức thừa xưa đã thường xuyên được đánh đồng với đỗ đạt. Cũng như các bác của tôi cứ quy tất cả về “cái trán”, xem nó là biểu tượng của sự thông minh sáng láng, của học hành đỗ đạt. Lớn lên tôi nhận ra đó là ước mong khi thăm kín, khi bộc lộ, nhưng luôn mãnh liệt của thế hệ những người như bác tôi. Đi học và đỗ đạt là cơ hội đổi đời, là phẩm giá, là mục tiêu của nhiều thế hệ, của dòng họ, xóm, của làng, của huyện,...

Điều đó vô tình gây sức ép ngày càng nặng nề lên nhiều thế hệ học trò làng tôi.

Lớn lên đi xa, đến nhiều nơi, gặp nhiều người, tôi nhận ra có rất nhiều người chưa từng được vinh danh là “cái trán” của khu phố, của xóm làng, của cộng đồng nhưng họ sống vô cùng hạnh phúc. Họ đóng góp rất nhiều cho cuộc sống bằng sự giàu có và rất yêu lao động. Một người trồng cây cảnh mỗi năm bán ra thị trường thu về hàng trăm tỉ đồng.

Một người chơi ...thả diều đến đẳng cấp nghệ nhân, cũng ngược Á xuôi Âu đi trình diễn nhiều kỳ lễ hội với những lời mời kèm tài trợ. Một anh thợ mộc ven con sông Phố Lợi làm những chiếc lồng chim và bán được với giá ngang một chiếc xe hơi tầm trung. Hơn hết họ làm những điều đó bằng đam mê, và rồi đam mê bù đắp lại cho chính họ, cho cuộc sống của cả những người xung quanh.

Lại một mùa thi Đại học đã về. Đường phố sáng sớm cuộn cuộn người và xe. Thí sinh và

người nhà họ tổng. Rồi sau mỗi kỳ thi, lại có những bạn nhảy lầu, nhảy cầu thương tâm. Cuộc sống không chỉ có đỗ đạt mới là hạnh phúc. Cũng như thành đạt không chỉ có một con đường là đi học và đi thi. Trường thi chỉ là nơi ganh đua chốc lát chứ không thể đủ chỗ cho tận cùng đam mê của mỗi người. Chính vì thế mà báo Hoa Học Trò vẫn luôn khuyên bạn đọc “Hãy giữ cho mình niềm đam mê khác biệt”.

(Đủ chỗ cho đam mê khác biệt, Bay xuyên những tầng mây, Hà Nhân, NXB Văn học, tr.188)

Câu 1: (0.5 điểm) Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: (0.5 điểm) Theo tác giả văn bản, điều gì đã “gây sức ép ngày càng nặng nề lên nhiều thế hệ học trò”?

Câu 3: (1.0 điểm) Hãy giải thích ý nghĩa của câu nói: “Trường thi chỉ là nơi ganh đua chốc lát chứ không thể đủ chỗ cho tận cùng đam mê của mỗi người”?

Câu 4: (1.0 điểm) Theo anh (chị), tâm lý coi “Đi học và đỗ đạt là cơ hội đổi đời, là phẩm giá, là mục tiêu của nhiều thế hệ, của dòng họ, xóm, của làng, của huyện,…” có ảnh hưởng như thế nào đến mỗi cá nhân và toàn xã hội?

Đáp án đề 20:

Câu 1: (0.5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận.

Câu 2: (0.5 điểm) Theo tác giả văn bản, điều đã “gây sức ép ngày càng nặng nề lên nhiều thế hệ học trò”:

- Nhiều thế hệ trước đã học hành xuất sắc, đỗ đạt cao, có nhiều cơ hội, thành đạt trong cuộc sống.
- Quan niệm đi học và đỗ đạt là cơ hội đổi đời, là phẩm giá, là mục tiêu của nhiều thế hệ, của dòng họ, xóm, của làng, của huyện,...

Câu 3: (1.0 điểm) Học sinh cần giải thích ý nghĩa của câu nói: (1.0 điểm)

- + “trường thi chỉ là nơi ganh đua trong chốc lát”: các cuộc thi chỉ mang giá trị nhất thời, gắn với một thời điểm, một nội dung học tập nào đó trong cả quãng đời rất dài của con người.
- + “đam mê tận cùng”: niềm yêu thích thật sự sâu sắc, mãnh liệt đối với một lĩnh vực nào đó.
- + Ý nghĩa chung: trường thi là nơi con người thể hiện khả năng của mình trong một thời

điểm nhất định. Nhưng một cuộc thi không phải là nơi con người có thể sống với tận cùng đam mê của mình, bộc lộ hết niềm yêu thích và khả năng của mình, không nên coi thi cử là mục đích cuối cùng.

Câu 4:(1.0 điểm) Tâm lý coi “Đi học và đỗ đạt là cơ hội đổi đời, là phẩm giá, là mục tiêu của nhiều thế hệ, của dòng họ, xóm, của làng, của huyện,...” có ảnh hưởng rất lớn đến mỗi cá nhân và toàn xã hội:

– Tích cực:

+ Suy nghĩ này tạo nên động lực mạnh mẽ để mỗi cá nhân phấn đấu học hành, đỗ đạt.
+ Suy nghĩ này khiến xã hội càng coi trọng tri thức, quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho việc học.

– Tiêu cực:

+ Làm nảy sinh tư tưởng coi trọng bằng cấp, danh tiếng, chạy theo những giá trị hình thức, không coi trọng học vấn đích thực.
+ Nảy sinh những hiện tượng tiêu cực: làm bằng giả, tìm mọi cách gian lận trong thi cử để đỗ đạt,...
+ Khi không thể đáp ứng sự kỳ vọng của gia đình về sự đỗ đạt, nhiều người trẻ tuổi đã tìm đến cái chết,...

****** CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT ******

=>>>> HÃY LIKE FACEBOOK

<https://www.facebook.com/hocvancophuong/>

ĐỂ NHẬN THÊM NHIỀU TÀI LIỆU HẤP DẪN VÀ BỔ ÍCH!

=>>>> MỌI THẮC MẮC, CÁC EM CÓ THỂ INB CÔ TẠI ĐỊA CHỈ FB:

<https://www.facebook.com/hocvancophuong/>